

|                                                                 |                                                                                                        |           |
|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| HỌ VÀ TÊN: .....<br>LỚP : .....<br>TRƯỜNG: Tiểu học Nam Sài Gòn | <b>KTĐK- CUỐI HỌC KỲ I/2017-2018</b><br><b>MÔN TOÁN – LỚP 3/3</b><br><b>Thời gian làm bài: 35 phút</b> |           |
| Điểm                                                            | Lời phê của giáo viên                                                                                  | Số thứ tự |

### PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chỗ trước câu trả lời đúng:

- ...../3đ
- Tìm số lớn nhất trong các số sau:  
a) 375                      b) 735                      c) 573
  - Gấp 26 lên 4 lần, rồi bớt đi 20 đơn vị, ta được :  
a) 84                      b) 146                      c) 164
  - Cha 35 tuổi, con 7 tuổi thì tuổi con bằng một phần mấy tuổi cha ?  
a)  $\frac{1}{5}$                       b)  $\frac{1}{9}$                       c)  $\frac{1}{4}$
  - Một hình vuông có chu vi 176m. Số đo của cạnh hình vuông đó là:  
a) 128m                      b) 13m                      c) 44m
  - 526 mm = .....cm .....mm, số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là:  
a) 52cm 6mm    b) 50cm 6mm    c) 52cm 60mm
  - 1kg = 1000 ....., đơn vị thích hợp để điền vào chỗ chấm là :  
a) kg                      b) g                      c) hg

### PHẦN 2: TỰ LUẬN

- ...../7đ
- 7.Điền dấu <,> , = thích hợp vào chỗ chấm :  
19 giờ ..... 1 ngày

- .. / 0.5đ
- 8.Tính nhẩm:

$$7 \times 7 = \dots\dots\dots 5 \times 8 = \dots\dots\dots 54 : 6 = \dots\dots\dots 63 : 9 = \dots\dots\dots$$

- .. / 1đ
- 9.Đặt tính rồi tính:

$$362 + 270 \qquad 828 - 145 \qquad 181 \times 3 \qquad 536 : 5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.../0.5đ

10. Tính giá trị biểu thức:

a)  $90 + 48 : 2$

b)  $23 \times (93 - 88)$

11. Tìm  $x$  :

a)  $x \times 3 = 165$

b)  $x : 5 = 145$

12. Giải toán:

Một cửa hàng mua 640kg đậu đen, và mua số đậu xanh bằng  $\frac{1}{8}$  số đậu đen. Hỏi cửa hàng đó mua tất cả bao nhiêu ki-lô-gam đậu đen và đậu xanh ?

13. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng 20m. Tính chu vi mảnh vườn đó.

14. Em hãy vẽ một hình ảnh mà em thích có hai góc vuông, đánh dấu ký hiệu góc vuông vào hình đã vẽ.

PHÒNG GIÁO DỤC QUẬN 7  
TRƯỜNG TIỂU HỌC – THCS – THPT NAM SÀI GÒN

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM MÔN TOÁN 3/3  
KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ I/ 2017 - 2018

| Câu Điểm                                 | Câu đúng                                                                                                                                                                                                                                                                  | Diễn giải                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phần1:<br>Trắc<br>nghiệm:<br>(3<br>điểm) | 1. b<br>2. a<br>3. a<br>4. c<br>5. a<br>6. b                                                                                                                                                                                                                              | Khoanh tròn vào mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm                                                                                                                                                                                                                                                |
| Phần2:<br>Tự<br>luận:<br>(7<br>điểm)     | 7. Điền dấu >; <; =<br>19 giờ < 1 ngày                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi dấu đúng đạt 0.5 điểm                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                                          | 8. Tính nhẩm:<br>$7 \times 7 = 49$<br>$5 \times 8 = 40$<br>$54 : 6 = 9$<br>$63 : 9 = 7$                                                                                                                                                                                   | - HS tính đúng kết quả, 4 bài đạt 0.5 điểm.                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                          | 9.Đặt tính rồi tính:<br>$\begin{array}{r} 362 \\ + 370 \\ \hline 732 \end{array}$ $\begin{array}{r} 828 \\ - 145 \\ \hline 683 \end{array}$<br>$\begin{array}{r} 181 \\ \times 3 \\ \hline 543 \end{array}$ $\begin{array}{r} 536 \\ \times 5 \\ \hline 2680 \end{array}$ | - HS đặt tính đúng và tính đúng kết quả, 4 bài đạt 1 điểm.<br>- HS tính kết quả đúng nhưng đặt tính sai (không ngay hàng thẳng cột, thiếu dấu phép tính...):<br>+ 1 bài: không trừ điểm<br>+ 2 bài : trừ 0.5 điểm<br>- HS đặt tính đúng nhưng viết kết quả sai , trừ 0.5 điểm mỗi bài. |
|                                          | 10.Tính giá trị biểu thức:<br>a) $90 + 48 : 2 = 90 + 24 = 114$<br>b) $23 \times ( 93 - 88) = 23 \times 5 = 115$                                                                                                                                                           | - HS đặt tính đúng và tính đúng kết quả, 2 bài đạt 0.5 điểm.<br>- HS ghi tính kết quả đúng nhưng đặt tính sai :<br>+ 1 bài: không trừ điểm<br>+ 2 bài : trừ 0.5 điểm                                                                                                                   |
|                                          | 11. Tìm x<br>a) $x \times 3 = 165$<br>$x = 165 : 3$<br>$x = 55$<br>b) $x : 5 = 105$<br>$x = 105 \times 5$<br>$x = 525$                                                                                                                                                    | - HS đặt tính đúng và tính đúng kết quả 2 bài đạt 1 điểm.<br>- HS ghi tính kết quả đúng nhưng đặt tính sai :<br>+ 1 bài: không trừ điểm<br>+ 2 bài : trừ 0.5 điểm                                                                                                                      |
|                                          | 12. Bài giải:<br>Số đậu xanh cửa hàng đó mua:<br>$640 : 8 = 80 ( kg)$                                                                                                                                                                                                     | 0.5 điểm<br>0.5 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|                                                                                                    |                                                                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Số đậu đen và đậu xanh của hàng đó mua được:<br>$640 + 80 = 720 \text{ (kg)}$<br>Đáp số: 720 kg    | 0.5 điểm<br>0.5 điểm<br>Lời giải phải đi kèm với phép tính đúng mới đạt điểm.<br>Sai đơn vị hoặc thiếu đơn vị , thiếu đáp số trừ 0.5 điểm |
| 13. Bài giải<br>Chu vi mảnh vườn đó là:<br>$(35 + 20) \times 2 = 110 \text{ ( m)}$<br>Đáp số: 110m | 0.5 điểm<br>0.5 điểm<br>Lời giải phải đi kèm với phép tính đúng mới đạt điểm.<br>Sai đơn vị hoặc thiếu đơn vị , thiếu đáp số trừ 0.5 điểm |
| 14. Vẽ tứ giác có 2 góc vuông                                                                      | Vẽ đúng tứ giác và có đánh dấu 2 góc vuông đạt 0.5 điểm                                                                                   |

| Cấu trúc            | Nội dung                | Nội dung theo từng mức độ                                                        | Câu số          | Nhận biết<br>Mức 1     |     | Thông hiểu<br>Mức 2 |     | Vận dụng<br>Mức 3   |     | Vận dụng<br>Mức 4 |     | Tổng điểm  |
|---------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------|-----|---------------------|-----|---------------------|-----|-------------------|-----|------------|
|                     |                         |                                                                                  |                 | T<br>N                 | TL  | T<br>N              | TL  | T<br>N              | TL  | TN                | TL  |            |
| Số và các phép tính | Số tự nhiên ....        | Nhân chia nhẩm trong bảng nhân chia từ 2 đến 9                                   | 1;<br>8         | 0.5                    |     |                     | 0.5 |                     |     |                   |     | 5 đ<br>50% |
|                     |                         | So sánh, cộng trừ số có 2;3 chữ số ( có nhớ không quá 2 lượt) trong phạm vi 1000 | 2<br>9          | 0.5                    | 0.5 |                     |     |                     |     |                   |     |            |
|                     |                         | Nhân chia số có 3 chữ số cho số có 1 chữ số                                      | 9;<br>12        |                        | 0,5 |                     |     |                     |     | 0.5               |     |            |
|                     |                         | Tìm thành phần chưa biết ( 6 dạng tìm x)                                         | 11              |                        | 0.5 |                     |     | 0.5                 |     |                   |     |            |
|                     |                         | So sánh số bé bằng một phần mấy số lớn<br>So sánh số lớn gấp mấy lần số bé       | 3               | 0,5                    |     |                     |     |                     |     |                   |     |            |
|                     |                         | Tính giá trị biểu thức (có không quá 3 dấu phép tính)                            | 10              |                        |     |                     | 0.5 |                     |     |                   |     |            |
| Đại lượng           | Thời gian               | Đổi, so sánh đơn vị                                                              | 7               |                        |     |                     | 0.5 |                     |     |                   |     | 3 đ<br>27% |
|                     | Khối lượng              | Thực hiện phép tính cộng , trừ, nhân, chia ( có đến 2 đơn vị)                    | 6;<br>12        |                        | 0.5 |                     |     |                     | 1,5 |                   |     |            |
|                     | Độ dài                  |                                                                                  | 5               | 0.5                    |     |                     |     |                     |     |                   |     |            |
| Hình học            | Tìm hình<br>Tính chu vi | Hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật<br>Góc vuông                            | 4;<br>13;<br>14 |                        |     | 0.5                 | 1   |                     |     |                   | 0,5 | 2 đ<br>23% |
| Toán giải           |                         | Có 2 bước tính                                                                   | 12              |                        |     |                     |     |                     |     |                   |     | 2 điểm     |
| Tổng điểm các phần  |                         |                                                                                  |                 | 2                      | 2   | 1                   | 2   | 0                   | 2   | 0                 | 1   | 10/10 đ    |
|                     |                         |                                                                                  |                 | 40%                    |     | 30%                 |     | 20%                 |     | 10%               |     |            |
|                     |                         |                                                                                  |                 | Trắc nghiệm: 3 đ – 30% |     |                     |     | Tự luận: 7 điểm 70% |     |                   |     |            |

Quận 7, ngày 26 tháng 11 năm 2017

Người lập ma trận  
Trần Thị Trung Tâm